



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 32

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2020
Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2020
Ông Đoàn Hồng Việt	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2020
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên	từ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2020
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên	từ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	

### TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2020
Ông Hoàng Thông	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2020
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 7 năm 2020

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đề ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Giám đốc:

Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Số tham chiếu: 61150429/21932053/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.081.851.621.261</b>	<b>2.260.483.858.292</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>259.892.033.887</b>	<b>127.425.042.786</b>
111	1. Tiền		259.892.033.887	127.425.042.786
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>723.003.004.537</b>	<b>584.743.323.023</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	714.318.311.975	562.381.107.838
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	16.240.738.552	8.334.432.737
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		284.750.000	350.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	35.508.794.448	57.027.372.886
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6	(43.349.590.438)	(43.349.590.438)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>1.007.480.756.063</b>	<b>1.431.280.315.741</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.015.476.924.324	1.446.529.219.331
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.996.168.261)	(15.248.903.590)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>91.475.826.774</b>	<b>117.035.176.742</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	3.349.261.595	2.508.383.548
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		88.126.565.179	114.526.793.194
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>156.946.440.673</b>	<b>148.594.111.995</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>4.011.193.850</b>	<b>3.988.264.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	284.750.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	4.011.193.850	3.703.514.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>80.554.959.945</b>	<b>78.903.099.133</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	20.887.317.588	18.942.978.263
222	Nguyên giá		50.172.422.681	46.037.880.703
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(29.285.105.093)	(27.094.902.440)
227	2. Tài sản vô hình	10	59.667.642.357	59.960.120.870
228	Nguyên giá		62.790.793.238	62.789.309.858
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.123.150.881)	(2.829.188.988)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>54.584.755.700</b>	<b>47.169.705.700</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		51.639.005.700	44.223.955.700
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		2.945.750.000	2.945.750.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>17.795.531.178</b>	<b>18.533.043.162</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	3.181.860.062	3.919.372.046
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	14.613.671.116	14.613.671.116
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.238.798.061.934</b>	<b>2.409.077.970.287</b>

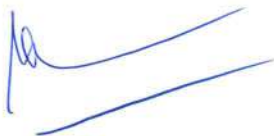
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

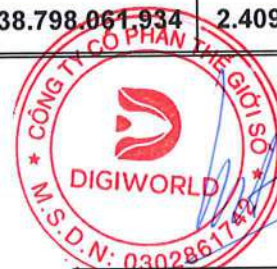
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.189.242.003.730</b>	<b>1.467.063.144.708</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.184.883.374.303</b>	<b>1.462.596.683.781</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	548.869.514.392	696.623.024.791
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	22.655.276.099	2.314.780.599
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	20.999.017.542	27.721.570.988
314	4. Phải trả người lao động		10.106.585.776	15.500.519.107
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	47.392.530.540	99.090.077.372
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	6.748.953.324	6.701.823.803
320	7. Vay ngắn hạn	16	528.111.496.630	614.644.887.121
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.358.629.427</b>	<b>4.466.460.927</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	4.358.629.427	4.466.460.927
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.049.556.058.204</b>	<b>942.014.825.579</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.1</b>	<b>1.049.556.058.204</b>	<b>942.014.825.579</b>
411	1. Vốn cổ phần		431.517.470.000	419.517.470.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		431.517.470.000	419.517.470.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		61.233.761.416	61.233.761.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		562.677.763.954	467.136.531.329
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		467.136.531.329	292.337.959.355
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		95.541.232.625	174.798.571.974
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.238.798.061.934</b>	<b>2.409.077.970.287</b>



Trần Quế Tâm  
Người lập



Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020



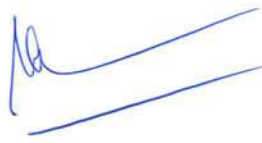
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kết toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.1	4.924.326.478.918	3.358.476.666.513
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(47.474.897.192)	(8.287.522.670)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	4.876.851.581.726	3.350.189.143.843
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(4.574.907.170.898)	(3.159.616.702.490)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		301.944.410.828	190.572.441.353
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	43.014.199.108	24.305.116.086
22	7. Chi phí tài chính	21	(21.905.659.455)	(29.603.799.699)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(18.105.205.233)	(26.761.331.445)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(168.936.342.967)	(70.339.804.044)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(34.141.043.520)	(36.961.487.049)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		119.975.563.994	77.972.466.647
31	11. Thu nhập khác	22	452.504.996	2.839.919.601
32	12. Chi phí khác	22	(690.725.892)	(694.068.309)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	22	(238.220.896)	2.145.851.292
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		119.737.343.098	80.118.317.939
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(24.196.110.473)	(18.367.726.277)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		95.541.232.625	61.750.591.662



Trần Quốc Tâm  
Người lập



Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>119.737.343.098</b>	<b>80.118.317.939</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (Hoàn nhập) dự phòng	9, 10	2.484.164.546 (7.252.735.329)	2.225.893.636 11.944.087.647
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.161.431.967)	(38.611.355)
06	Chi phí lãi vay	21	18.105.205.233	26.761.331.445
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>131.912.545.581</b>	<b>121.011.019.312</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(112.232.383.349)	(274.099.621.926)
10	Giảm hàng tồn kho		431.052.295.007	331.973.936.909
11	Giảm các khoản phải trả		(184.034.858.893)	(258.673.683.124)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(103.366.064)	801.652.807
14	Tiền lãi vay đã trả		(18.731.365.907)	(25.396.634.962)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(30.822.841.392)	(17.300.000.000)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>217.040.024.983</b>	<b>(121.683.330.984)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(4.136.025.358)	(1.134.961.963)
23	Tiền chi cho vay		-	(700.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		350.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.415.050.000)	(8.170.050.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức		1.161.431.967	38.611.355
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(10.039.643.391)</b>	<b>(9.966.400.608)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Phát hành cổ phiếu	17.1	12.000.000.000	12.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	16	1.978.912.327.971	2.061.641.484.800
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(2.065.445.718.462)	(1.956.161.239.004)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(74.533.390.491)</b>	<b>117.480.245.796</b>

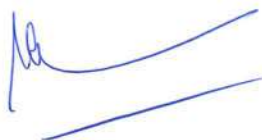
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		132.466.991.101	(14.169.485.796)
60	Tiền đầu kỳ		127.425.042.786	69.000.255.584
70	Tiền cuối kỳ	4	259.892.033.887	54.830.769.788



Trần Quốc Tâm  
Người lập



Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0302861742 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết Số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 356 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 375).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 để ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 - 6 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt (*)	207.645.980.865	188.705.725
Tiền gửi ngân hàng	52.155.853.429	127.143.687.047
Tiền đang chuyển	90.199.593	92.650.014
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>259.892.033.887</u></b>	<b><u>127.425.042.786</u></b>

(\*) Số tiền mặt là 207.250.000.000 VND đã được Công ty chuyển vào các tài khoản ngân hàng của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2020 đến ngày 9 tháng 7 năm 2020.

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải thu các bên khác	690.419.455.895	546.826.303.339
- Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	322.092.648.945	174.606.533.671
- Khác	368.326.806.950	372.219.769.668
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 25)	23.898.856.080	15.554.804.499
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>714.318.311.975</u></b>	<b><u>562.381.107.838</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.002.035.723)	(10.002.035.723)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>704.316.276.252</u></b>	<b><u>552.379.072.115</u></b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty TNHH Apple Vietnam	5.665.176.000	-
HP PPS Singapore (Sales) Pte. Ltd.	3.149.106.389	-
Công ty TNHH Sức Bật	1.534.385.024	1.172.459.769
Công ty TNHH Nestlé Vietnam	-	4.749.905.780
Khác	5.892.071.139	2.412.067.188
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>16.240.738.552</u></b>	<b><u>8.334.432.737</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>35.508.794.448</b>	<b>57.027.372.886</b>
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32.874.099.492	32.874.099.492
Đặt cọc, ký quỹ	865.131.506	673.176.656
Tạm ứng cho nhân viên	403.166.523	204.318.123
Chiết khấu thương mại từ nhà cung cấp	-	19.819.335.676
Khác	1.366.396.927	3.456.442.939
<b>Dài hạn</b>	<b>4.011.193.850</b>	<b>3.703.514.000</b>
Đặt cọc, ký quỹ	4.011.193.850	3.703.514.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.519.988.298</b>	<b>60.730.886.886</b>
Dự phòng phải thu khác	(33.347.554.715)	(33.347.554.715)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>6.172.433.583</b>	<b>27.383.332.171</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	6.172.433.583	25.321.367.626
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	-	2.061.964.545

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Hàng hóa	985.287.662.608	1.216.054.084.169
Hàng đang đi trên đường	18.992.410.609	220.549.306.326
Hàng gửi đi bán	11.178.701.107	4.871.741.860
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.150.000	5.054.086.976
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.015.476.924.324</b>	<b>1.446.529.219.331</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.996.168.261)	(15.248.903.590)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.007.480.756.063</b>	<b>1.431.280.315.741</b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.349.261.595</b>	<b>2.508.383.548</b>
Chi phí hoạt động	2.046.993.932	1.346.238.548
Chi phí thuê	1.160.341.667	1.102.125.000
Công cụ, dụng cụ	141.925.996	60.020.000
<b>Dài hạn</b>	<b>3.181.860.062</b>	<b>3.919.372.046</b>
Chi phí thuê	2.357.981.988	2.158.117.980
Công cụ, dụng cụ	713.131.115	877.021.038
Chi phí hoạt động	110.746.959	884.233.028
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.531.121.657</b>	<b>6.427.755.594</b>

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	21.183.180.735	4.896.690.889	17.022.472.435	2.935.536.644	46.037.880.703
Mua mới	-	-	4.055.390.000	79.151.978	4.134.541.978
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	21.183.180.735	4.896.690.889	21.077.862.435	3.014.688.622	50.172.422.681
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	-	110.765.260	-	550.030.914	660.796.174
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(8.802.476.701)	(2.714.803.901)	(12.790.637.409)	(2.786.984.429)	(27.094.902.440)
Khấu hao trong kỳ	(426.802.548)	(412.556.948)	(1.321.687.121)	(29.156.036)	(2.190.202.653)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	(9.229.279.249)	(3.127.360.849)	(14.112.324.530)	(2.816.140.465)	(29.285.105.093)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	12.380.704.034	2.181.886.988	4.231.835.026	148.552.215	18.942.978.263
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	11.953.901.486	1.769.330.040	6.965.537.905	198.548.157	20.887.317.588

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	57.378.036.000	5.411.273.858	62.789.309.858
Mua mới	1.483.380	-	1.483.380
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	57.379.519.380	5.411.273.858	62.790.793.238
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	-	1.804.707.698	1.804.707.698
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	(2.829.188.988)	(2.829.188.988)
Hao mòn trong kỳ	-	(293.961.893)	(293.961.893)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	-	(3.123.150.881)	(3.123.150.881)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	57.378.036.000	2.582.084.870	59.960.120.870
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	57.379.519.380	2.288.122.977	59.667.642.357

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
	Giá trị	Tỷ lệ		Giá trị	Tỷ lệ	
	VND	%	%	VND	%	%
<b>Đầu tư vào công ty con trực tiếp</b>	<b>51.639.005.700</b>			<b>44.223.955.700</b>		
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	51.639.005.700	100	100	44.223.955.700	100	100
<b>Đầu tư vào công ty liên kết trực tiếp</b>	<b>2.945.750.000</b>			<b>2.945.750.000</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	2.945.750.000	49,1	25	2.945.750.000	49,1	25
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>54.584.755.700</b>			<b>47.169.705.700</b>		

Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture ("Venture") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313309149 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Venture là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử. Venture có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam ("B2X") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0314800952 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 12 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của B2X là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn phần mềm, phần cứng, hệ thống và các dịch vụ máy tính khác. B2X có trụ sở đăng ký tại Số 282, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**12.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Phải trả cho bên khác	546.621.137.439	693.959.109.635
- Asus Global Pte Ltd.	185.097.824.091	205.407.232.123
- Xiaomi H.K Limited	150.915.499.150	212.321.038.271
- Acer Incorporated	123.088.488.898	73.105.929.110
- Khác	87.519.325.300	203.124.910.131
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)	2.248.376.953	2.663.915.156
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>548.869.514.392</b>	<b>696.623.024.791</b>

**12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Xiaomi H.K Limited	12.461.901.571	-
Công ty TNHH Công Nghệ Elfdigi Việt Nam	6.334.015.000	-
Khác	3.859.359.528	2.314.780.599
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.655.276.099</b>	<b>2.314.780.599</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.484.024.385	24.196.110.473	(30.822.841.392)	20.857.293.466
Thuế thu nhập cá nhân	237.546.603	3.039.362.505	(3.135.185.032)	141.724.076
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>27.721.570.988</b>	<b>27.235.472.978</b>	<b>(33.958.026.424)</b>	<b>20.999.017.542</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chiết khấu thương mại và hỗ trợ bán hàng	41.333.489.172	48.228.930.892
Chi phí hoạt động	4.030.041.368	13.736.034.763
Lãi vay	2.029.000.000	2.655.160.674
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	34.469.951.043
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>47.392.530.540</u></b>	<b><u>99.090.077.372</u></b>

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.748.953.324</b>	<b>6.701.823.803</b>
Chi trả hộ	3.960.381.209	3.964.193.517
Bảo hiểm	1.881.216.598	1.733.597.097
Khác	907.355.517	1.004.033.189
<b>Dài hạn</b>	<b>4.358.629.427</b>	<b>4.466.460.927</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	4.358.629.427	4.464.379.427
Khác	-	2.081.500
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.107.582.751</u></b>	<b><u>11.168.284.730</u></b>

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 16. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vay ngân hàng	<u>614.644.887.121</u>	<u>1.978.912.327.971</u>	<u>(2.065.445.718.462)</u>	<u>528.111.496.630</u>

Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	30 tháng 6 năm 2020 VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	176.976.925.885	Từ ngày 19 tháng 8 năm 2020 đến ngày 24 tháng 9 năm 2020	5	Tài sản cá nhân của một số cổ đông; một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu trị giá 6 triệu USD
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn	210.398.927.296	Từ ngày 12 tháng 8 năm 2020 đến ngày 28 tháng 9 năm 2020	5	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	140.735.643.449	Từ ngày 17 tháng 9 năm 2020 đến ngày 18 tháng 9 năm 2020	5,1	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>528.111.496.630</b></u>			



# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	407.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	313.238.098.355	776.116.392.605
Phát hành cổ phiếu (ESOP)	12.000.000.000	-	-	-	-	12.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	61.750.591.662	61.750.591.662
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	<u>419.517.470.000</u>	<u>61.233.761.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>374.988.690.017</u>	<u>849.866.984.267</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	419.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	467.136.531.329	942.014.825.579
Phát hành cổ phiếu (ESOP) (*)	12.000.000.000	-	-	-	-	12.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	95.541.232.625	95.541.232.625
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>431.517.470.000</u>	<u>61.233.761.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>562.677.763.954</u>	<u>1.049.556.058.204</u>

(\*) Vào ngày 6 tháng 4 năm 2020, Công ty đã phát hành 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 12.000.000.000 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/2020/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 4 năm 2020. Vào ngày 24 tháng 4 năm 2020, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn cổ phần của Công ty lên 431.517.470.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
<b>Vốn đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu kỳ	419.517.470.000	407.517.470.000
Phát hành cổ phiếu (ESOP)	12.000.000.000	12.000.000.000
Số cuối kỳ	<u>431.517.470.000</u>	<u>419.517.470.000</u>

**17.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Cổ phiếu đã được duyệt	43.151.747	41.951.747
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.151.747 43.151.747	41.951.747 41.951.747
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469) (151.469)	(151.469) (151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	43.000.278 43.000.278	41.800.278 41.800.278

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>4.924.326.478.918</b>	<b>3.358.476.666.513</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	4.860.802.136.004	3.317.140.602.569
Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.524.342.914	41.336.063.944
<b>Các khoản trừ doanh thu:</b>	<b>(47.474.897.192)</b>	<b>(8.287.522.670)</b>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>4.876.851.581.726</u></b>	<b><u>3.350.189.143.843</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng	4.813.327.238.812	3.308.853.079.899
Doanh thu cung cấp dịch vụ	63.524.342.914	41.336.063.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU** (tiếp theo)

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Lãi chênh lệch tỷ giá	21.205.815.226	4.164.030.362
Chiết khấu thanh toán	20.471.733.919	19.867.293.025
Thu nhập cổ tức	1.114.126.275	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	47.305.692	38.611.355
Khác	175.217.996	235.181.344
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>43.014.199.108</u></b>	<b><u>24.305.116.086</u></b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.518.246.323.984	3.142.370.354.743
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	56.660.846.914	17.246.347.747
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.574.907.170.898</u></b>	<b><u>3.159.616.702.490</u></b>

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>168.936.342.967</b>	<b>70.339.804.044</b>
Chi phí hỗ trợ bán hàng	113.125.909.585	33.699.411.112
Chi phí nhân viên	21.633.573.245	23.633.005.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.564.440.031	9.439.199.256
Chi phí bảo hành	1.800.908.822	1.256.502.115
Khác	15.811.511.284	2.311.686.280
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>34.141.043.520</b>	<b>36.961.487.049</b>
Chi phí nhân viên	18.866.960.897	14.260.577.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.985.720.165	8.885.049.596
Khác	8.288.362.458	13.815.860.453
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>203.077.386.487</u></b>	<b><u>107.301.291.093</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí lãi vay	18.105.205.233	26.761.331.445
Lỗi chênh lệch tỷ giá	3.736.714.253	2.410.612.900
Khác	63.739.969	431.855.354
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.905.659.455</u></b>	<b><u>29.603.799.699</u></b>

**22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>452.504.996</b>	<b>2.839.919.601</b>
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	400.396.818	207.492.731
Thu nhập từ các khoản nộp phạt	-	2.420.469.224
Khác	52.108.178	211.957.646
<b>Chi phí khác</b>	<b>(690.725.892)</b>	<b>(694.068.309)</b>
<b>(LỖ) LỢI NHUẬN THUẬN KHÁC</b>	<b><u>(238.220.896)</u></b>	<b><u>2.145.851.292</u></b>

**23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Giá mua hàng hóa	4.574.907.170.898	3.159.616.702.490
Chi phí nhân viên	40.500.534.142	37.893.582.281
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.550.160.196	18.324.248.852
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	2.484.164.546	2.225.893.636
Khác	136.542.527.603	48.857.566.324
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.777.984.557.385</u></b>	<b><u>3.266.917.993.583</u></b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.196.110.473	16.201.663.271
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	-	2.166.063.006
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>24.196.110.473</b>	<b>18.367.726.277</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>119.737.343.098</b>	<b>80.118.317.939</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	23.947.468.620	16.023.663.588
<i>Điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được trừ	248.641.853	177.999.683
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	-	2.166.063.006
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>24.196.110.473</b>	<b>18.367.726.277</b>

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Sau đây là các tài sản thuế thu nhập hoãn lại được Công ty ghi nhận và biến động trong đó, trong năm hiện tại và các năm trước:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí phải trả	11.563.890.398	11.563.890.398	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.049.780.718	3.049.780.718	-	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b><u>14.613.671.116</u></b>	<b><u>14.613.671.116</u></b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

VND

## Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Công ty con trực tiếp	Góp vốn	7.415.050.000	8.170.050.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Bán hàng hóa Cung cấp dịch vụ Tạm ứng cho mục đích kinh doanh	6.591.988.284 852.000.000 84.399.977	6.420.913.989 852.000.000 2.850.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	Công ty liên kết trực tiếp	Thu nhập cổ tức	1.114.126.275	-
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ Bán hàng hóa	120.204.617 43.421.165	519.100.000 201.527.273
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Bên liên quan	Thu hồi cho vay Mua dịch vụ Lãi cho vay Cho vay Bán hàng hóa	350.000.000 112.861.000 8.400.000 - -	- 230.262.000 - 700.000.000 73.158.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<i>VND</i>				
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển thị trường C.L	Công ty con gián tiếp	Cung cấp dịch vụ và bán hàng hóa	<u>23.898.856.080</u>	<u>15.554.804.499</u>
<b>Phải thu về cho vay</b>				
Công ty TNHH B2X Care Solutions Việt Nam	Bên liên quan	Cho vay	<u>-</u>	<u>350.000.000</u>
			<u>-</u>	<u>350.000.000</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	<u>-</u>	<u>1.975.534.545</u>
Công ty TNHH CSV Healthcare	Công ty con gián tiếp	Đặt cọc	<u>-</u>	<u>86.430.000</u>
			<u>-</u>	<u>2.061.964.545</u>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con gián tiếp	Mua dịch vụ	<u>2.248.376.953</u>	<u>2.663.915.156</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Lương và thưởng	<u>1.385.792.990</u>	<u>214.260.750</u>

**26. CÁC CAM KẾT**

**26.1 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Dưới 1 năm	10.100.657.630	11.894.215.260
Từ 1 đến 5 năm	25.936.800.000	27.441.960.000
Trên 5 năm	16.099.200.000	18.782.400.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>52.136.657.630</u></b>	<b><u>58.118.575.260</u></b>

**26.2 Cam kết góp vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp	Phần vốn cam kết còn phải góp
		Số tiền	%		
	VND	VND		VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	100.000.000.000	100.000.000.000	100	51.639.005.700	48.360.994.300

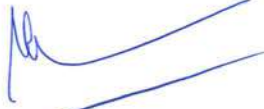
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Trần Quế Tâm  
Người lập



Vũ Thị Mai Hân  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020